TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QO** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2021/QĐST-DS	*QO, ngày 05 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 58/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội D thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D. Địa chỉ: Số 109, Tr, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Th – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Danh T – Cán bộ xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 19/2020/UQ-GĐ ngày 25/5/2020).

- Bị đơn: Ông Tạ Văn L sinh năm 1966 và **bà Nguyễn Thị T1** sinh năm 1975. Cùng ĐKHKTT tại: Xóm 1, thôn PĐ, xã SS, huyện QO, Thành phố Hà Nội.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cụ Nguyễn Thị N sinh năm 1924 (mẹ ông L).

+ Chị Tạ Thị Thùy D sinh năm 1995 (con ông L, bà T1).

+ Anh Tạ Văn N1 sinh năm 1998 (con ông L, bà T1).

+ Chị Hoàng Thị Thanh Th sinh năm 2000 (vợ anh N1).

+ Cháu Tạ Anh Q sinh năm 2020 (con anh N1, chị Th).

+ Bà Tạ Thị H1 sinh năm 1969 (em gái ông L).

+ Cháu Tạ Viên K và **Tạ Thị Anh Kh** cùng sinh năm 2016 (là con bà H1).

Đều có ĐKHKTT tại: Xóm 1, thôn PĐ, xã SS, huyện QO, Thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị N, anh Tạ Văn N1, chị Hoàng Thị Thanh Th, bà Tạ Thị H1, cháu Tạ Anh Q, cháu Tạ Viên K và cháu Tạ Thị Anh Kh (anh N1, chị Th là người đại diện theo pháp luật của cháu Q; Bà H1 là người đại diện theo pháp luật của cháu K, cháu Kh) đều ủy quyền cho chị Tạ Thu H2 sinh năm 1993. Địa chỉ: P405, Cầu thang 3, tập thể C5B, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội theo các Giấy ủy quyền số chứng thực 1631.2020/CTCK và số 1632.2020/CTCK ngày 25/12/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Tây Đô (Địa chỉ: Khu Tòa án, thị trấn Trạm Trôi, huyện HD, Thành phố Hà Nội).

Ông Tạ Văn L ủy quyền cho chị Hoàng Thị L1 sinh năm 1991 (Địa chỉ: Số 61, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội) và chị Tạ Thu H2 sinh năm 1993 (Địa chỉ: P405, cầu thang 3, tập thể C5B, Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội) theo Giấy ủy quyền số công chứng 5792/2020/GUQ – quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/11/2020 lập tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm (Địa chỉ: Phố Mới, thị trấn QO, huyện QO, thành phố Hà Nội).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngày 12/11/2014 ông Tạ Văn L, bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng thương mại cổ phần D (nay là Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D) ký Hợp đồng tín dụng số 0287/2014/NCT/HĐTD để vay số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

- Tính đến ngày 25/5/2020, Ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 xác nhận còn nợ Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D số tiền là : 1.413.830.267 đồng (*Một tỷ, bốn trăm mười ba triệu, tám trăm ba mươi nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng)*, trong đó: Nợ gốc 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng chẵn*), nợ lãi trong hạn: 6.934.692 đồng (*Sáu triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm chín mươi hai đồng*), nợ lãi quá hạn: 606.895.575 đồng (*Sáu trăm L1 sáu triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng*) .

- Kể từ ngày 26/5/2020, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 tiếp tục phải trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo đúng lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0287/2014/NCT/HĐTD ngày 12/11/2014 và Khế ước nhận nợ số 0287/2014/NCT/KU01 ngày 12/11/2014, tương ứng với thời gian chậm trả.

- Ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 cam kết thanh toán cho ngân hàng số tiền 1.413.830.267 đồng (*Một tỷ, bốn trăm mười ba triệu, tám trăm ba mươi nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng)* theo từng kỳ như sau:

+ Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 20/02/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ưu tiên trả vào gốc;

+ Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 20/3/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ưu tiên trả vào gốc;

+ Kỳ 3: Chậm nhất đến ngày 20/4/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ưu tiên trả vào gốc;

+ Kỳ 4: Chậm nhất đến ngày 20/5/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ưu tiên trả vào gốc;

+ Kỳ 5: Chậm nhất đến ngày 20/6/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ưu tiên trả vào gốc;

+ Kỳ 6: Chậm nhất đến ngày 20/7/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ưu tiên trả vào gốc;

+ Kỳ 7: Chậm nhất đến ngày 20/8/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ưu tiên trả vào gốc;

+ Kỳ 8: Chậm nhất đến ngày 20/9/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ưu tiên trả vào gốc;

+ Kỳ 9: Chậm nhất đến ngày 20/10/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, ưu tiên trả vào gốc;

+ Kỳ 10: Chậm nhất đến ngày 20/11/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*;

+ Kỳ 11: Chậm nhất đến ngày 28/12/2021, ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại.

- Trường hợp ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại T sản bảo đảm để thu hồi nợ.

T sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 03.1, tờ bản đồ: 05, diện tích 326.8 m^2 (trong đó đất ở là 120m^2, đất trồng cây lâu năm là 206.8 m^2) tại thôn PĐ, xã SS, huyện QO, Thành phố Hà Nội, đã được UBND huyện QO cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BK 702500, số vào sổ cấp GCN: CH 6260 ngày 12/10/2012 đứng tên ông Tạ Văn L; Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 017141/2012, Quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 09/11/2012 lập tại Văn phòng Công chứng Hồ Gươm (Địa chỉ: Số 48, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận HK, Thành phố Hà Nội); Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện QO ngày 09/11/2012; Đăng ký thay đổi thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội Chi nhánh huyện QO ngày 09/11/2016.

Số tiền thu được từ việc xử lý T sản bảo đảm sẽ dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên. Nếu dư sẽ trả lại cho chủ sở hữu T sản, nếu thiếu thì ông L, bà T1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Về án phí: Ông Tạ Văn L và bà Nguyễn Thị T1 chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 27.207.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu, hai trăm L1 bảy nghìn đồng)*.

Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.207.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu, hai trăm L1 bảy nghìn đồng),* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011265 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QO.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D chịu toàn bộ các chi phí tố tụng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND H. QO;
- Chi cục THADS H. QO;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Th